

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HSST
Ny: 25/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Tạ Văn Khách**

Ông Hồ Viết Trung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Văn Phương** - Kiểm sát viên.

Trong Ny 22 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/HSST Ny 08 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đình L** – **Tên gọi khác: H**, sinh năm 1996 tại Bình Phước; HKTT và chỗ ở: Thôn 8, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lê Đình C (đã chết) - và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1969; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ Ny 24/11/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Riềng. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Phạm Ngọc N – sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lý Anh H – sinh năm 1993. Vắng mặt.

Hiện đang cai nghiện tại Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội tỉnh Bình Phước.

Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình L ông Phạm Ngọc N, sinh năm: 1985, trú tại: thôn T, xã L, huyện Phú Riềng là bạn bè quen biết với nhau.

Khoảng 16 giờ N ngày 08/5/2020, L đến nhà rủ ông N đi uống rượu thì ông N đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exiter, biển số: 93P1 – 547.55, màu trắng, xanh chở L đến quán gỏi vịt do ông Tâm làm chủ thuộc thôn 9, xã L, huyện Phú Riềng để uống rượu. Trong lúc uống rượu, L hỏi mượn xe mô tô trên của ông N đi có công việc thì ông N đồng ý và giao xe cho L. Sau đó, L điều khiển xe mô tô đi tìm bạn mượn tiền trả tiền uống rượu nhưng không mượn được tiền. Lúc này, L nảy sinh ý định mang xe mô tô của ông N đi cầm cố để lấy tiền trả cho quán nhậu. L điều khiển xe mô tô trên đến xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước gặp Lý Anh H để cầm cố xe nhưng H không đồng ý cầm mà cho L vay số tiền 4.7500.000 đồng, đổi lại L đưa cho H xe mô tô trên để sử dụng đến khi L có tiền trả lại cho H để lấy lại xe. Khi có được tiền thì L dùng để nạp tiền điện thoại, mua ma túy để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho ông N. Sau khi lấy xe của L thì H giao xe mô tô trên cho Đào Quang Trường, SN: 2001, HKTT: ấp Thanh Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước sử dụng.

Vật chứng thu giữ: Ngày 19/10/2020, Đào Quang Trường đã giao nộp xe mô tô biển số 93P1 – 547.55 cho Cơ quan điều tra.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG Ngày 04/8/2020, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Phú Riềng xác định:

Tại thời điểm Ngày 08/5/2020 xe mô tô biển số: 93P1-547.55 có giá trị là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) (BL 11)

Tại Bản cáo trạng số 01/CTr-VKS Ngày 08 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Lê Đình L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Đình L mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã xác định được: Là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp nên khoảng 17 giờ Ng 08/5/2020, sau khi mượn được xe mô tô biển số 93P1-547.55 của ông Phạm Ngọc N, Nguyễn Đình L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản rồi mang đi cầm cố lấy số tiền 4.750.000 đồng mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết dẫn đến không còn khả năng chuộc lại tại sản.

Hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương nói riêng và trật tự xã hội nói chung, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số: 93P1-547.55, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm Ngọc T nên cần trả lại cho ông T.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Phạm Ngọc N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Anh H yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 4.750.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đình L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Đình L 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/11/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 2 Điều 468; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Đình L phải trả lại cho ông Lý Anh H số tiền 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ Ny bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo L chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như trên thì còn phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại ông Phạm Ngọc T chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng – xanh biển số 93P1-547.55; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024047 mang tên Kiều Văn V.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0011714 Ny 09/12/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng và Công an huyện Phú Riềng).

4. Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hải

